

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DSST

Ngày: 19/8/2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay và hui”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Thanh Hải  
2. Bà Trần Thị Phiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Lâm Hoàng Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** ông Trần Thanh T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/8/2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2020/TLST-DS ngày 28/10/2020 về *“Tranh chấp hợp đồng vay và hui”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST-DS ngày 15/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-DS ngày 02/8/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bạch Kim D, sinh năm 1971 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:** Nguyễn Thị P, sinh năm 1989 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Võ Quốc S, sinh năm 1983 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bạch Kim D trình bày:*

Vào năm 2016, 2017 chị P có tham gia hội do bà Bạch Kim D làm chủ hội cụ thể:

*Dây thứ nhất:* Hội 2.000.000 đồng, khai vào ngày 28/01/2016, hội tháng, hội có 25 phần, chị P tham gia 01 phần, đến lần thứ 6 chị P hốt hội, chị P bỏ giá 440.000 đồng, số tiền tiền hội chị P hốt được là 35.840.000 đồng, trừ tiền huê hồng chủ hội là 800.000 đồng. Bà D đưa cho chị P số tiền 35.040.000 đồng. Sau khi hốt hội chị P có đóng lại 14 lần hội chết số tiền đóng được là 28.000.000 đồng. Còn 05 tháng cuối thì chị P không đóng hội, Bà D choàng hội cho chị P số tiền choàng là 10.000.000 đồng. Hội đến ngày 28/01/2018 thì mãn hội.

*Dây thứ hai:* Hội 1.000.000 đồng, khai vào ngày 12/04/2016, hội tháng, hội có 28 phần, chị P tham gia 01 phần, lần thứ nhất chị P hốt hội, chị P bỏ giá 280.000 đồng, số tiền tiền hội chị P hốt được là 19.400.000 đồng, trừ tiền huê hồng chủ hội là 400.000 đồng. Bà D đưa cho chị P số tiền 19.000.000 đồng. Sau khi hốt hội chị P có đóng lại 16 lần hội chết số tiền đóng được là 16.000.000 đồng. Còn 11 tháng cuối thì chị P không đóng hội, Bà D choàng hội cho chị P số tiền choàng là 11.000.000 đồng. Hội đến ngày 12/07/2018 thì mãn hội.

*Dây thứ ba:* Hội 1.000.000 đồng, khai vào ngày 12/04/2016, hội tháng, hội có 28 phần, chị P tham gia 01 phần, đến lần thứ hai chị P hốt hội, chị P bỏ giá 280.000 đồng, số tiền tiền hội chị P hốt được là 19.720.000 đồng, trừ tiền huê hồng chủ hội là 400.000 đồng. Bà D đưa cho chị P số tiền 19.320.000 đồng. Sau khi hốt hội chị P có đóng lại 16 lần hội chết số tiền đóng được là 16.000.000 đồng. Còn 11 tháng cuối thì chị P không đóng hội, Bà D choàng hội cho chị P số tiền choàng là 11.000.000 đồng. Hội đến ngày 16/01/2019 thì mãn hội.

*Dây thứ tư:* Hội 1.000.000 đồng, khai vào ngày 16/9/2016, hội tháng, hội có 29 phần, chị P tham gia 01 phần, đến lần thứ ba chị P hốt hội, chị P bỏ giá 280.000 đồng, số tiền tiền hội chị P hốt được là 20.200.000 đồng, trừ tiền huê hồng chủ hội là 400.000 đồng. Bà D đưa cho chị P số tiền 19.800.000 đồng. Sau khi hốt hội chị P có đóng lại 09 lần hội chết số tiền đóng được là 9.000.000 đồng. Còn 17 tháng cuối thì chị P không đóng hội, Bà D choàng hội cho chị P số tiền choàng là 17.000.000 đồng. Hội đến ngày 16/01/2019 thì mãn hội.

*Dây thứ năm:* Hội 1.000.000 đồng, khai vào ngày 16/9/2016, hội tháng, hội có 29 phần, chị P tham gia 01 phần, đến lần thứ tư chị P hốt hội, chị P bỏ giá 350.000 đồng, số tiền tiền hội chị P hốt được là 19.250.000 đồng, trừ tiền huê hồng chủ hội là 400.000 đồng. Bà D đưa cho chị P số tiền 18.850.000 đồng. Sau khi hốt hội chị P có đóng lại 08 lần hội chết số tiền đóng được là 8.000.000 đồng. Còn 17 tháng cuối thì chị P không đóng hội, Bà D choàng hội cho chị P số tiền choàng là 17.000.000 đồng. Hội đến ngày 16/01/2019 thì mãn hội.

*Dây thứ sáu:* Hụi 1.000.000 đồng, khai vào ngày 16/9/2016, hụi tháng, hụi có 30 phần, chị P tham gia 01 phần, đến lần thứ tư chị P hốt hụi, chị P bỏ giá 300.000 đồng, số tiền tiền hụi chị P hốt được là 21.220.000 đồng, trừ tiền huê hồng chủ hụi là 400.000 đồng. Bà D đưa cho chị P số tiền 20.800.000 đồng. Sau khi hốt hụi chị P có đóng lại 08 lần hụi chết số tiền đóng được là 8.000.000 đồng. Còn 18 tháng cuối thì chị P không đóng hụi, Bà D choàng hụi cho chị P số tiền choàng là 18.000.000 đồng. Hụi đến ngày 16/02/2019 thì mãn hụi.

*Dây thứ bảy:* Hụi 2.000.000 đồng, khai vào ngày 06/02/2017, hụi tháng, hụi có 28 phần, chị P tham gia 01 phần, đến lần thứ ba chị P hốt hụi, chị P bỏ giá 630.000 đồng, số tiền tiền hụi chị P hốt được là 38.250.000 đồng, trừ tiền huê hồng chủ hụi là 800.000 đồng. Bà D đưa cho chị P số tiền 37.450.000 đồng. Sau khi hốt hụi chị P có đóng lại 04 lần hụi chết số tiền đóng được là 8.000.000 đồng. Còn 21 tháng cuối thì chị P không đóng hụi, Bà D choàng hụi cho chị P số tiền choàng là 42.000.000 đồng. Hụi đến ngày 06/5/2019 thì mãn hụi.

*Dây thứ tám:* Hụi 2.000.000 đồng, khai vào ngày 06/02/2017, hụi tháng, hụi có 28 phần, chị P tham gia 01 phần, đến lần thứ tư chị P hốt hụi, chị P bỏ giá 550.000 đồng, số tiền tiền hụi chị P hốt được là 40.800.000 đồng, trừ tiền huê hồng chủ hụi là 800.000 đồng. Bà D đưa cho chị P số tiền 40.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi chị P có đóng lại 03 lần hụi chết số tiền đóng được là 6.000.000 đồng. Còn 22 tháng cuối thì chị P không đóng hụi, Bà D choàng hụi cho chị P số tiền choàng là 44.000.000 đồng. Hụi đến ngày 06/5/2019 thì mãn hụi.

Đồng thời, Ngày 16/06/2017 Bà D có cho chị P vay số tiền 60.000.000 đồng, việc cho vay không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, không có thỏa thuận lãi suất, biên nhận vay thì do Bà D đánh máy sẵn, chị P là người ký tên vào biên nhận.

Ngày 20/7/2017 Bà D có cho chị P vay số tiền 40.000.000 đồng, việc cho vay không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, không có thỏa thuận lãi suất, biên nhận vay thì do Bà D đánh máy sẵn, chị P là người ký tên vào biên nhận.

Ngày 20/7/2017 Bà D có cho chị P vay số tiền 12.000.000 đồng, việc cho vay không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, không có thỏa thuận lãi suất, biên nhận vay thì do Bà D đánh máy sẵn, chị P là người ký tên vào biên nhận.

Ngoài ra Bà D cho chị P vay tiền góp vào ngày 25/7/2017 số tiền cho vay là 22.500.000 đồng, mỗi ngày chị P phải trả cho Bà D vừa vốn và lãi là 500.000 đồng khi nào đủ 25.000.000 đồng thì không góp nữa, nhưng chị P góp được 3.200.000 đồng thì không góp nữa. Còn lại số tiền chưa góp là 19.300.000 đồng, việc cho vay này không làm biên nhận. Ngày 03/12/2017 Bà D và chị P có làm biên nhận tổng cộng các khoản nợ số nợ vay và hụi ngày 03/12/2017 với số tiền là 308.800.000 đồng.

Tổng cộng 08 dây hụi là chị P là người trực tiếp tham gia giao dịch hụi với Bà D, chị P là người trực tiếp xin Bà D để tham gia chơi hụi, khi xin chơi hụi thì anh Sơn không biết. Khi Bà D giao tiền hụi thì Bà D giao trực tiếp cho chị P, chị P là người đóng

hụi chết lại cho Bà D, tổng cộng số tiền hụi là 170.000.000 đồng. Số tiền vay chị P trực tiếp ký tên, anh Sơn không ký tên vào biên nhận vay, tại phiên tòa Bà D xác định số tiền vay mà chị P phải trả là 131.300.000 đồng.

Khi khởi kiện Bà D yêu cầu chị P và anh Sơn liên đới trách nhiệm trả tiền hụi và tiền vay. Tuy nhiên, sau đó Bà D chỉ yêu cầu một mình chị P trả số tiền vay và hụi tổng cộng là 301.300.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, không yêu cầu anh Sơn có trách nhiệm liên đới.

- Theo biên bản ghi lời khai ngày 14/8/2020 bị đơn Nguyễn Thị P trình bày: Chị P thừa nhận và thống nhất các dây hụi theo trình bày của Bà D, chị thừa nhận còn nợ số tiền hụi của Bà D là 175.000.000 đồng, riêng khoản tiền vay chị P chỉ thừa nhận vay của Bà D số tiền 60.000.000 đồng, chị P không dùng tiền hụi để phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình, các khoản tiền khác chị P không vay. Chị P chỉ đồng ý trả cho Bà D số tiền hụi 175.000.000 đồng và 60.000.000 đồng tiền vay.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Quốc S vắng mặt và không có ý kiến trình bày:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Nguyễn Thị P trả cho bà Bạch Kim D số tiền 301.300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà D yêu cầu chị P trả cho chị số tiền hụi còn thiếu của 08 dây hụi và số tiền vay tổng cộng là 301.300.000 đồng. Theo xác nhận của Công an xã Tân Phú Trung, chị P hiện đang sinh sống tại địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào Các điều 463, 471 Bộ luật dân sự; Điều 26, 35, 39 Bộ Luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Xét việc vắng mặt bị đơn tại phiên tòa: Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Chị P biết việc bị nguyên đơn là Bà D kiện yêu cầu trả tiền hụi và tiền vay, chị P có trình bày về tiền nợ hụi và nợ vay khi Tòa án tiến hành ghi lời khai của chị P. Nhưng chị P vắng mặt, không lý do khi hòa giải và xét xử, dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là chị Nguyễn Thị P.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến trình bày của bị đơn:

Tại phiên tòa nguyên đơn là Bà D yêu cầu chị P trả số tiền hụi và vay còn thiếu là 301.300.000 đồng theo biên nhận cộng dồn tiền hụi và vay ngày 03/12/2017, không yêu cầu trả tiền lãi. Phía bị đơn là chị P trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 14/8/2020, chị P chỉ thừa nhận và đồng ý trả 175.000.000 đồng tiền hụi, 60.000.000 đồng tiền vay; còn khoản tiền còn lại chị không đồng ý trả do chị không vay. Các biên nhận ngày 20/7/2017, 16/8/2017 và 03/12/2017 chị P không thừa nhận các chữ ký, chữ viết trong biên nhận này là của chị P. Tuy nhiên, theo kết luận giám định số 476/KL-KTHS ngày 08/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp xác định chữ ký, chữ viết trong các biên nhận ngày 20/7/2017, 16/8/2017 và 03/12/2017 là của chị P ký và viết ra. Do đó, Bà D yêu cầu chị P trả tiền vay và hụi tổng cộng là 301.300.000 đồng, là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm liên đới giữa chị Nguyễn Thị P và anh Võ Quốc S: Theo Đơn kiện ban đầu thì Bà D kiện yêu cầu chị P và anh Sơn là vợ chồng liên đới trách nhiệm trả cho Bà D tiền hụi và tiền vay. Tuy nhiên, sau đó trong quá trình Tòa án giải quyết thì Bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Sơn có trách nhiệm liên đới, chỉ yêu cầu cá nhân chị P là người có trách nhiệm trả tiền hụi và tiền vay cho Bà D, tại phiên tòa Bà D chỉ yêu cầu cá nhân chị P có trách nhiệm trả nợ; ngoài ra, lời trình bày của chị P xác định không dùng tiền hụi và vay để sử dụng chung trong gia đình, chị P cũng không có yêu cầu đối với anh Sơn.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 471 Bộ Luật dân sự, buộc chị P trả cho Bà D tiền nợ hụi và vay tổng cộng là 301.300.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của Bà D được chấp nhận Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền án phí được tính như sau:  $301.300.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.065.000 \text{ đồng}$ .

Bà Bạch Kim D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.700.000 đồng theo biên lai thu số 0003015 ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, Căn cứ vào các Điều 161, 162 Bộ luật tố tụng dân sự chị P phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà D đã nộp tạm ứng chi phí giám định với số tiền là 15.030.000 đồng nên chị P phải trả cho Bà D số tiền 15.030.000 đồng.

[7] Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp trình bày là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 162, 227, 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bạch Kim D về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị P trả lại số tiền hụi và tiền vay.

Buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho bà Bạch Kim D số tiền 301.300.000 đồng (Ba trăm lẻ một triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**2.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 15.065.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bạch Kim D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.700.000 đồng theo biên lai thu số 0003015 ngày 22/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

**3.** Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Chị Nguyễn Thị P phải trả cho bà Bạch Kim D số tiền 15.030.000 đồng.

**4.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND huyện Châu Thành;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục Thi hành án DS huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**Nguyễn Văn Nhân**